

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 09/8/2019

V/v: *Ly hôn*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Đỗ Thị Thúy Phượng**.

*Các Hội thẩm nhân dân:* - Ông **Trần Ngọc Bân**.

- Bà **Phan Thị Cẩm**.

*Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Minh Nguyệt** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:*  
Bà **Nguyễn Thị Thanh Tuyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2019; Tại hội trường trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 13/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2019 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXX-ST ngày 09/7/2019 giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Ph**; sinh năm: 1990

Địa chỉ: Thôn P, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng;

Vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt.

\* *Bị đơn:* Ông **Lê Q**, sinh năm: 1987

Địa chỉ: Thôn P, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng;

Vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ghi ngày 04 tháng 3 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn bà Nguyễn Ph trình bày:* Bà và ông Lê Q có quen biết và tìm hiểu về nhau trong khoảng thời gian hai năm thì quyết định đi đến hôn nhân. Ông bà đăng ký kết hôn vào ngày 13 tháng 3 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã R, huyện Đ. Sau khi kết hôn ông bà chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng được một năm sau đó thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm về mọi thứ, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến không thể hàn gắn được nữa. Nay bà thấy rằng còn tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà viết đơn yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giữa bà và ông Lê Q.

Về con chung: Ông bà có với nhau 02 người con chung là cháu Lê N sinh ngày 19/01/2013 và cháu Lê A sinh ngày 14/01/2014. Nếu ly hôn bà có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra bà không có yêu cầu gì thêm.

***Ý kiến, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của bị đơn Lê Q:***

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập ông Lê Q nhưng ông Q không chấp hành, không đến tòa làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án.

Vụ án được Tòa án hòa giải nhưng không được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký; Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật; Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho bà Ph và ông Q ly hôn. Về con chung giao hai người con chung là cháu Lê N sinh ngày 19/01/2013 và cháu Lê A sinh ngày 14/01/2014 cho bà Ph trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các cháu đến tuổi trưởng thành.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Ph vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Lê Q được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt; Căn cứ Khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Ph và ông Q qua thời gian tìm hiểu hai năm thì quyết định đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã R, huyện Đ vào ngày 13/3/2013. Do đó, xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Q và bà Ph là hợp pháp. Do cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông Q đã bỏ nhà đi, không quan tâm đến vợ con. Hội đồng xét xử thấy rằng cuộc sống vợ chồng ông Q, bà Ph phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải được, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện nay hai ông bà không còn chung sống với nhau nữa nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Ph đối với ông Lê Q.

[3] Về con chung: Ông bà có với nhau 02 người con chung là Lê N sinh ngày 19/01/2013 và cháu Lê A sinh ngày 14/01/2014. Hiện nay cháu N và A đang sống với mẹ, sinh hoạt và học tập ổn định, bà Ph hiện nay đang làm nghề kinh doanh nên đủ

điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc tốt cho hai cháu nên giao hai con chung là cháu N và A cho bà Ph tiếp tục nuôi dưỡng, ông Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Không có

[5] Về nợ chung: Không có

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bà Nguyễn Ph phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Bà Nguyễn Ph và ông Lê Q được ly hôn.

**2. Về con chung:** Giao hai con chung là cháu Lê N sinh ngày 19/01/2013 và cháu Lê A sinh ngày 14/01/2014 cho bà Ph trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu N và cháu A đủ 18 tuổi. Ông Lê Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

*Quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi việc cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.*

**3. Về án phí:** Buộc nguyên đơn bà Nguyễn Ph phải nộp số tiền 300.000(Ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Ph đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0003728 ngày 12 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, bà Ph đã nộp đủ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

#### **Nơi nhân:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSNDH. Đ;
- CC THADS H. Đ;
- UBND xã R, H. Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Thúy Phượng**

